



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: _____ Y _____ NO _____

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HUYNH VAN LUAN
Last Middle First

Current Address: 14A TON THAT DAM R. 18. Q. 1. TP. HCM.

Date of Birth: 02/05/24 Place of Birth: VN.

Previous Occupation (before 1975) Lt. Col. (US Trainee)
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 6/15/75 To 11/6/82
Years: 7 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : HUYNH CONG LUAN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1. NGUYEN THI HOA	1930	wife
2. HUYNH THI KIM LAN	8/31/53	daughter
3. HUYNH THI KIM NHUNG	6/6/58	daughter
4. HUYNH CONG LAN	12/7/63	Son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

HUYNH VAN LUAN 5/2/1924 GO VAP GIA DINH (MALE)



HUYNH CONG LAN 7/12/1963 SAIGON (MALE)



NGUYEN THI HOA 1950 LONG XUYEN (FEMALE)



HUYNH THI KIM LAN 31/8/1953 SAIGON (FEMALE)



HUYNH THI KIM NAUNG
(HUYNH MINH NGOC)

6/6/1958

SAIGON



Kính gửi: Bà Thúc Thị Minh Cảnh, Vợ Lương
- Kêu tu nhân chứng từ Việt nam.

Tên: Thừa Ba,

Số ký tên dưới đây là: Huỳnh Văn Sơn

Sinh: 5/2/1924 tại: Gò Vấp - Gia Định.

Số quan: H4/101.953 Cấp bậc: Trung tá.

Đơn vị: Bộ Chỉ huy 3 tiếp vận - Căn cứ Sông Bung.

Sau 30/4/1975, bị cáo tạo tập trung tại Trung tâm

Sơn (Yên Bái) đến ngày tỉnh, và chuyển về trại Kuan Lát.

Đồng nay tháng 6 năm 1982.

Ban thân thường trú tại: H5, Cao Bá Nha, Phường

14, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Khiến cả ngu (tạm trú) tại: H4, Sơn Thát Đám,

Phường 18, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sự do: bị tiếp quản nhà.

Và kinh đề đơn này và tường trình hoàn cảnh gia

đình của tôi viết và sau khi cáo tạo về hoàn toàn gặp khó

khăn trong suốt công.

Chơi quan tại bị cáo tạo theo luật con cáo tạo

mat, không có nhà của ở phải vào ruộng mới trong chùa, và để

thành để làm hơn nữa theo luật lệ nhà chùa, nên cả con

mé con làm biết cáo đầu xuất gia. Nhưng tường thuật này

tham những trả lời bị cáo không đi đang như đã tường.

Sau có người con trai út sinh năm 1963, đến năm tuổi đi

nguyên và phải làm thành đi ở từ chùa này sang chùa khác,

in chính quyền họ không dùng nạp lại tuổi nguyên và quan từ

và lại các con từ không có họ khác không từ tại thành phố,

như cũng khó lòng ở các chùa trong thành phố hết lần đầu,

chủ ở tạm một thời gian thì lại hoàn tục ra đời, việc việc làm

không qua ngày, n kinh từ nhà chùa cũng gặp khó khăn.

Sau khi từ học tập trở về, địa phương có kêu gọi h

quan ra đăng ký đi Mỹ, nửa tin nửa ngờ chưa dám ra với, giống như con chim thấy nả sỏ tên, bị gần mười năm cái tặc cũng vì lời kêu gọi đăng ký trình diện đi học tập một tháng (năm 1975 tại Don Bosco), do đó tất cả đều mất lòng tin và rất sợ sệt. Nhưng tôi cũng có gọi lên đơn qua tại phái san, đề xin cứu xét được ra đi trong chương trình ODP mà không thấy trả lời gì cả.

Giờ đây, qua báo chí, bạn bè rộng rãi, được biết chính phủ hai bên đã thỏa hiệp nhân đạo về việc cải tạo viên được ra đi định cư tại Hoa Kỳ, và nhất là cũng được nghe danh Quý Hò qua đài BBC, nên tôi mạn phép đề đơn này đến xin Quý Hò, cứu xét và giúp đỡ cho gia đình tôi, được đặc ân ra đi tái định cư tại Hoa Kỳ, hẳn cũng là tình duyên tuổi già cùng các con tôi có được tương lai như mong muốn, vì ở Việt nam các con tôi đều bị ảnh hưởng đến lý lịch của bản thân tôi, khi con tôi muốn xin đi học hay đi làm lao động khuôn vác hoặc làm các công việc tầm thường như lính, thì đều phải làm sổ yếu lý lịch đến chánh quyền địa phương chứng nhận, mà con cái của những sĩ quan chỉ đồ cũ thì không có quyền gì hết, kể cả họ đi đứng trong thành phố cũng không được tự do.

Vậy một lần nữa, kính xin Quý Hò giàu lòng nhân đạo, can thiệp giúp đỡ cho gia đình tôi được ra đi trong chương trình di dân sắp tới đây.

Trong khi chờ đợi sự chấp đơn sắp xếp theo danh sách có thứ tự, xin Quý Hò nhận lời đây tấm lòng tri ân của gia đình tôi.

Sài Gòn, ngày 25/9/1988

Tray kính,

Lưu

Nguyễn Văn Nhuận.

P.C: Địa chủ thường trú của đương sự đứng đơn:

- Nguyễn Văn Xuân. 5/2/1924 tại Gò Vấp - Gia Định.

5, Cao Bá Nha, phường 14, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chủ thường trú của vợ con đi kèm theo đương sự:

1/ Nguyễn Thị Hoa (vợ chánh) 1930 tại Song Xuyên:

Chùa Thiên Chơn, ấp tiếp nhất, xã Phú Hiệp, thị trấn
Hình Quán, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

2/ Nguyễn Thị Kim San (con) 31/8/1953 tại Sài Gòn:

Chùa Phật Hồng Sơn, 1129 BCC, ấp 8, xã An Phước,
huyện Song Thành, tỉnh Đồng Nai.

3/ Nguyễn Thị Kim Nhung (con) hay: Nguyễn Minh Ngọc (thẻ căn cước)

- 6/6/1958 tại Sài Gòn: Chùa Bạch Sơn, 1106 BCC,
ấp 8, xã An Phước, huyện Song Thành, tỉnh Đồng Nai.

4/ Nguyễn Công Sơn (con) 7/12/1963 tại Sài Gòn:

Chùa Phật tích Long Sơn, 1188 BCC, ấp 8, xã An Phước,
huyện Song Thành, tỉnh Đồng Nai.

Khiến nay các con tôi đã hoàn tục về tạm trú ở chung với tôi
tại: số 14A, Cồn Thát Dạm, phường 18, quận 1, TP Hồ Chí Minh.

Các chức vụ và đơn vị trong quân đội từ 1953 - 1975:

I) 1953 - 1956: Trường Ban Công binh Bộ Tham mưu Biệt khu Thủ Đức.
(Sài Gòn)

II) 1957 - 1966: Biệt phái Công nha Cảnh sát quốc gia:

- Chánh sở tiếp vận kiêm quản lý chương trình vận trở mỹ nghệ
cảnh sát quốc gia

- Chỉ huy trưởng công hành dinh Cảnh sát Quốc gia.

III) 1967 - 1970: Bộ Tổng Tham mưu:

- Phó trưởng khối chiến tranh chính trị. Đại tá Trần Hưng Đạo/TTM.

IV) 1971 - 1975: Bộ Chỉ huy 3 tiếp vận: căn cứ Song Bình.

- Trưởng đoàn thanh tra kỹ thuật

- Trưởng khối chiến tranh chính trị

- Phó trưởng phòng tiếp vận và bác sĩ. Bộ Chỉ huy 3 tiếp vận.

Hồ sơ có thân nhân
bảo lãnh phải chờ
đúng thời hạn ODP
mới cấp Lôi.

Political Prisoner
có mời vợ ông
Tư seth họ
nhà quê.

Hồ sơ đề'
hợp với BNG.

13 yrs.

Phân cách Mạng
có phải vì thế mà
được cấp Lôi?

U

Date:

Tel. # 358-5154 (O) - 560-0058 (H)



Embassy of the United States of America

DATE: OCT 20, 89

IV: 254060

PA: HUYNH VAN LUAN

KHUC MINH THO

FAMILIES OF VN POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435

ARLINGTON, VA 22205-0635

Dear KHUC MINH THO

This is in response to your inquiry of JUN 21, 89 regarding the above mentioned ODP applicants.

This case is based on HUYNH VAN LUAN's 7 years in reeducation.

Cases of former political prisoners who spent time in reeducation are being reviewed in order of the time spent in reeducation. Given the large number of this type of case on file with the ODP it is impossible to determine when this case might be reviewed. If, at the time of review, it meets all ODP requirements a Letter of Introduction (LOI) will be issued. If further documentation or explanation is required we will contact the U.S. sponsor or the principal applicant in Vietnam directly.

If anyone in the U.S. is eligible to file an IV petition for the individuals on this case and has not done so already, it is recommended that they do so. Our experience has been that the Vietnamese react more favorably to requests for emigration for cases of family reunification. Attached is information on the filing of petitions.

- There will be no further action taken on this case until it is eligible for review.

If the applicants on this case should appear on a list of names presented by the Vietnamese indicating that they will be available for interview, their eligibility for the program will be considered at that time.

Please assure that ODP is kept apprised of any address or family composition changes relating to this case.

Sincerely,

U.S. Orderly Departure Program



Embassy of the United States of America

DATE: OCT 20, 89

IV: 254060

PA: HUYNH VAN LUAN

KHUC MINH THO

FAMILIES OF VN POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435

ARLINGTON, VA 22205-0635

Dear KHUC MINH THO

This is in response to your inquiry of JUN 21, 89 regarding the above mentioned ODP applicants.

This case is based on HUYNH VAN LUAN's 7 years in reeducation.

Cases of former political prisoners who spent time in reeducation are being reviewed in order of the time spent in reeducation. Given the large number of this type of case on file with the ODP it is impossible to determine when this case might be reviewed. If, at the time of review, it meets all ODP requirements a Letter of Introduction (LOI) will be issued. If further documentation or explanation is required we will contact the U.S. sponsor or the principal applicant in Vietnam directly.

If anyone in the U.S. is eligible to file an IV petition for the individuals on this case and has not done so already, it is recommended that they do so. Our experience has been that the Vietnamese react more favorably to requests for emigration for cases of family reunification. Attached is information on the filing of petitions.

- There will be no further action taken on this case until it is eligible for review.

If the applicants on this case should appear on a list of names presented by the Vietnamese indicating that they will be available for interview, their eligibility for the program will be considered at that time.

Please assure that ODP is kept apprised of any address or family composition changes relating to this case.

Sincerely,

U.S. Orderly Departure Program

BỘ NỘI VỤ
Trại Xưa Lộ .
Số 777 GRI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QT (T), ban hành theo công văn số 2303 ngày 27 tháng 11 năm 1972

000678 03282
SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA-TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành án văn, quyết định tha số T64/QĐ ngày 3 tháng 5 năm 82
của BỘ NỘI VỤ .

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **Huyên Văn Luận**

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày 5 tháng 2 năm 1924

Nơi sinh **Sài Gòn**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

5 Cao Bá Nhạ, Phường 14, Quận 1, TP/Hồ Chí Minh

Can tội **Trung tá phụ tá trưởng phòng bảo toàn**

Bị bắt ngày **15-6-1975**

Án phạt **TTCT**

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại **5 Cao Bá Nhạ, Phường 14, Quận 1, TP/Hồ Chí Minh**

Nhận xét quá trình cải tạo

(Quản chế: 12 tháng)

Lưu tay gọn trở phải
Của **Huyên Văn Luận**
Danh phân số **10150**
Lập tại **Hồ Chí Minh**

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Luận

Huyên Văn Luận

Ngày 06 tháng 11 năm 19 72

Giám thị

Minh

Trung tá: **Trịnh Văn Thịch**

BỘ NỘI VỤ
Trại Xuân Lộc .

Số 777 GRI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NĂM 1982
Ban hành theo công văn số
2303 ngày 27 tháng 11
năm 1979

000678 03282

SUSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA-TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành án văn, quyết định tha số T64/QĐ ngày 13 tháng 5 năm 82

của BỘ NỘI VỤ .

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **Huyàh văn Luận**

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày 5 tháng 2 năm 1924

Nơi sinh **Sài Gòn**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

5 Cao Bá Nhạ, Phường 14, Quận 1, TP/HỒ CHÍ MINH

Cán tội **Trung tá phụ tá trưởng phòng bảo toàn**

Bị bắt ngày **15-6-1975**

Án phạt **TTCT**

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tống án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại **5 Cao Bá Nhạ, Phường 14, Quận 1, TP/HỒ CHÍ MINH**

Nhận xét quá trình cải tạo

(Quản chế: 12 tháng)

Lưu tay gọn trở phải
Của **Huyàh văn Luận**
Danh pin số **10150**
Lập tại **Thị trấn Cháp**

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Luận

Huyàh văn Luận

Ngày 10 tháng 11 năm 1982

Giám thị

Vinh

Trung tá: Trịnh Văn Thiệu

DEPARTMENT OF STATE, U.S.A.

OFFICIAL BUSINESS

PENALTY FOR PRIVATE USE, \$300

AMERICAN EMBASSY
ORDERLY DEPARTURE PROGRAM (ODP)
BOX 58
APO SAN FRANCISCO 96346-0001

AN EQUAL OPPORTUNITY EMPLOYER



POSTAGE AND FEES PAID
DEPARTMENT OF STATE
STA-501

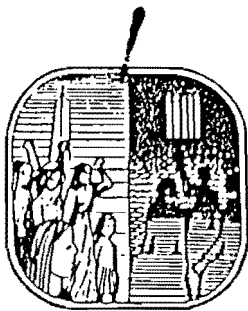
KHUC MINH THO

FAMILIES OF VN POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P. O. BOX 5435

ARLINGTON, VA 22205-0635

(IV 254060)



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

Hội Đồng Quản Trị
Board of Directors

KHÚC MINH THO
NGUYỄN THỊ HẠNH
NGUYỄN QUỲNH GIÀO
NGUYỄN VĂN GIỚI
NGUYỄN XUÂN LAN
HIỆP LOWMAN
TRẦN KIM DUNG
TRẦN THỊ PHƯƠNG

Date: _____

Orderly Departure Program
American Embassy, Box 58
APO San Francisco 96346-0001

Ban Chấp Hành T.U.
Executive Board

KHÚC MINH THO
President
NGUYỄN QUỲNH GIÀO
1st Vice-President
TRẦN KIM DUNG
2nd Vice-President
NGUYỄN VĂN GIỚI
Secretary General
TRẦN THỊ PHƯƠNG
Deputy Secretary
NGUYỄN THỊ HẠNH
Treasurer

Re: HUYNH VAN LUAN

Date of Birth: 02-05-24

IV #: NEED IV # NEED LOI #

TIME IN RE-ED. 7 yrs.

Dear Sir/Madam:

Upon request from the family of the former political prisoner in Vietnam, I am forwarding to you the enclosed document(s) to complete his record with your office. I trust that the document(s) will be sufficient.

Should you have any additional questions and/or concerns, please feel free to let us know at the above address.

Thank you very much for your kind attention and assistance in the processing of this applicant.

Sincerely yours,

Khuc Minh Tho (Mrs.)
President

Enclosures.

NOTE:-This applicant has been sponsored by _____
as shown in the attachments.

- It is also requested that the Letter of Introduction be sent to our Association at the address appeared above.



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : ____ Yes, ____ No
EXIT VISA: ____ Yes ____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM 1 HUYNH VAN LUAN
Last Middle First
- Current Address 14A TON THAT DAM, P.18, Q.1, TP HO CHI MINH
- Date of Birth 2/5/24 Place of Birth Saigon, Vietnam
- Previous Occupation (before 1975) Lieutenant Colonel
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 5/75 To 10/82
3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.
- | <u>Name, Address & Telephone</u> | <u>Relationship</u> |
|--------------------------------------|---------------------|
| <u>Nguyen, T Hieu</u> | |
| <u>, Belvedere SC 29841</u> | <u>Cousin</u> |
| _____ | _____ |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES :	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ NỘI-VỤ

NHÀ TÔNG GIÁM-ĐỐC

CẢNH-SÁT QUỐC-GIA

-o-

TỔNG LÃNH-DỊCH

BỆNH-XÁ

+

Sài Gòn, ngày 18 tháng 08 năm 1966

Số : 191 / TCSQG/THD/BX

(C) KÝ Y CHỨNG

Lời ký tên dưới đây, bác-Sĩ quân-Đốc Bệnh-Xá
Tổng Nha Giám-Đốc Cảnh-Sát Quốc-Gia, chúng nhận có khám
bệnh, ngày 18-08-1966 :

Ông . . . Đại-Ủy . HUYNH-VAN-LUẬN

Tuổi

Chức-vụ

Tổng Nha Cảnh-Sát Quốc-Gia, Sài Gòn

.

.

Nhận thấy tình trạng sức khoẻ hiện tại như sau :

. - Huyết áp cao (Hypertension)

. - Một tim

.

Đề-nghị :- Cần trong ba (3) ngày

.



BÁC-SĨ PHẠM-ĐOÀN-ĐẾ

18/8

)/ H I E U T H O N G T R I

—c/o—

TRÍCH YẾU : Hợp tác xã Gà Bộ Chỉ Huy 3TV.

4

Trân trọng thông báo :

- I . - Hợp tác xã gà BCH3TV đã thành lập xong với số vốn : 324.000\$00, gồm 618 cổ phần và 19 Xã viên tham dự (danh sách đính kèm).
- II . - Mặt Ủy ban quản trị đã được đề cử gồm có :
- | | |
|----------------------------------|---------------------------|
| - Chủ tịch | : Thiếu tá VĂN CÔNG PHƯỚC |
| - Phó Chủ tịch | : Thiếu tá HUYNH VĂN LUÂN |
| - Ủy Viên kỹ thuật | : Thiếu úy PHẠM - ĐU |
| - Ủy viên tài chính kiêm thủ quỹ | : Thiếu úy NGÔ VĂN PHIẾU |
| - Ủy viên An ninh | : SQ/AN/BCH3TV |
| - Thư ký | : Trung sĩ HOÀN MẠNH CŨ |
- 02 quân nhân điểu hành do ĐD/THD/BCH3TV chỉ định.
- Tất cả các xã viên đều là ủy viên kiểm soát.
- III . - Mỗi tháng HTX sẽ xin Cục Quản Nhu nhượng 600 gà con nội địa, gửi Trại NM/BCH3TV ươm trong 4 tuần lễ đầu.
- + ngày 20/3/71 (nhu cầu tháng 3) Cục Quản Nhu nhượng 600 con thành tiền 60.000\$00.
+ Ngày 27/3/71 (nhu cầu tháng 4) Cục Quản Nhu nhượng 600 con thành tiền 60.000\$00.
- IV . - Mỗi khi mua gà, thực phẩm, bán gà thịt, hay gà chết nhân viên điểu hành Trại phải trình cho UBND biết, tiền theo dõi, kiểm nhận và thông báo cho các xã viên./.

NƠI NHẬN :

Các Phòng Khối thuộc BCH3TV

K.B.C. 4774 ngày 20 APR 1971

ĐD/THD/BCH3TV

THÔNG BÁO CÁC XÃ VIÊN "

BẢN SAO KINH GỎI :

Đại Tá Chỉ Huy Trưởng

" Đ. THƯỜNG TRINH "

Số

21.

T/đ NVP.NT.8/4/71.St

VIỆT NAM CỘNG HÒA

ĐO QUỐC PHÒNG

BỘ TỔNG THAM MƯU QLVNCH

TỔNG CỤC TIẾP VẬN

BỘ CHỈ HUY 3 TIẾP VẬN

PHÒNG NÔNG MỤC

NIÊN THOẠI : 50.047

Số 30 /3TV/NM

Đại Tá TRƯỞNG BAY
Chỉ Huy Trưởng Bộ Chỉ Huy 3 Tiếp Vận



Kiến

11) 40-C60 LÊN KHÓA-HỌC

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐOÀN-KHỐI TIẾP-VẬN
TỔNG-CỤC QUÂN-HUẤN

THUẬN-CHỈ-ĐIỀU :-ĐT số 5573/TT./TCTV/NH2 ngày 17.01.70 của Tổng-Cục Tiếp-Vận
-SVVT số 47/TTN/TCTV/NH2 ngày 30.01.70 -nt-
-H.T. số 4/53/TT./TCTV/NH3 ngày 23.5.70 của Tổng-Cục Quân-Huấn.

TRƯỜNG TIẾP-VẬN

Điện-thoại 2.2.151
Số 3000 / TTN / TCTV

TRƯỜNG TIẾP-VẬN

KHÓA : ĐOÀN-KHỐI TIẾP-VẬN 70-41.

ĐƠN :	THUẬN-CHỈ-ĐIỀU :	THỰC-SỰ :	KHÓA-ĐIỀU :	CLĐ :	ĐƠN :	TỔNG-CỤC :
-Thi-điểm :	02.03.1970 :	02.03.1970 :	Thực-sự dự thi :	49 :	01 :	50 :
-Thi-khóa :	06.06.1970 :	06.06.1970 :	Thực sự tr.tuyển :	49 :	01 :	50 :

STT :	HỌ VÀ TÊN :	CHỨC-VỊ :	SỐ QUÂN :	ĐƠN-VỊ GỐC :	VOT :	P.T.D. :	XẾP HẠNG :	KYC :
1 :	THIẾU-TÁ :	Thiếu-Tá :	45/300.273 :	Lưu Quân-Vận :	3 :	02,12 :	01/50 :	38.09 :
2 :	TRẦN-KHÁNH :	Thiếu-Tá :	51/500.100 :	VTN/Không-Vận :	2 :	02,18 :	02/50 :	38.11 :
3 :	THIẾU-TÁ :	Thiếu-Tá :	52/300.549 :	Lưu Quân-Sân/H.Tho :	4 :	01,42 :	03/50 :	31.76 :
4 :	TRƯỜNG CH VÀ TM :	-nt- :	54/400.762 :	Trưởng CH và TM :	2 :	02,17 :	04/50 :	43.10 :
5 :	TRƯỜNG CH VÀ TM :	Đại-Úy :	57/100.111 :	VTN/Quân-Toàn 2 :	2 :	01,53 :	05/50 :	45.79 :
6 :	TRƯỜNG CH VÀ TM :	-nt- :	50/300.505 :	VTN.9/Tiếp-Vận :	4 :	00,51 :	06/50 :	63.50 :
7 :	TRƯỜNG CH VÀ TM :	Thiếu-Tá :	52/203.674 :	Ủy-Ban BT/Trường TV :	3 :	00,44 :	07/50 :	34.56 :
8 :	NGUYỄN-CẨM :	-nt- :	46/300.264 :	BỘ TTN/TCTV :	3 :	00,43 :	08/50 :	4002 :
9 :	CHỈ-ĐIỀU :	-nt- :	46/300.790 :	Sân-cứ CV/Sài-Gòn :	3 :	00,32 :	09/50 :	40.07 :
10 :	CHỈ-ĐIỀU :	Đại-Úy :	47/300.164 :	VTN.442/YTCS :	4 :	00,25 :	10/50 :	49.90 :
11 :	CHỈ-ĐIỀU :	-nt- :	58/202.179 :	BỘ TTN/TCTV :	3 :	00,17 :	11/50 :	40.02 :
12 :	CHỈ-ĐIỀU :	Thiếu-Tá :	50/301.750 :	Cục Công-Binh :	3 :	00,12 :	12/50 :	41.18 :
13 :	CHỈ-ĐIỀU :	-nt- :	53/600.364 :	BCH/KT và T.Vận :	3 :	00,11 :	13/50 :	42.97 :
14 :	CHỈ-ĐIỀU :	-nt- :	52/120.056 :	Lưu Quân-Vận-Tại :	4 :	00,03 :	14/50 :	35.06 :

15	: -LÊ-TRUNG-THAI	: Thiếu-Tá	: 53/101.960	: VP/Tham-Mưu-Trưởng/LQ	: 3	: 90,05	: 15/50	: 40.02
16	: -NGUYỄN-NGOC-THAI	: -nt-	: 53/300.294	: Trung-Tâm HL/Q.Trung	: 3	: 79,99	: 16/50	: 40.91
17	: -NGUYỄN-CUU-DAC	: -nt-	: 56/201.645	: Trưởng Quân-Nhạc	: 3	: 79,07	: 17/50	: 46.52
18	: -TRINH-NGOC-ANH	: -nt-	: 40/104.072	: Trưởng Tiếp-Vận	: 3	: 79,83	: 18/50	: 34.56
19	: -TRẦN-T. M-KY	: -nt-	: 54/300.593	: VP/THP/BFO-NQ	: 3	: 79,56	: 19/50	: 40.02
20	: -NGUYỄN-TRAC-THANH	: -nt-	: 55/400.049	: Liên-Đội Chung-Sự	: 3	: 79,55	: 20/50	: 49.11
21	: -TRẦN-HIỆP	: -nt-	: 43/200.317	: Cục Quân-Vận	: 3	: 79,31	: 21/50	: 30.31
22	: -NGUYỄN-VĂN-NHAC	: Đại - Úy	: 57/176.754	: Trung-Tâm HL/Q.Trung	: 3	: 79,30	: 22/50	: 40.91
23	: -NGUYỄN-KIM-HÀ	: -nt-	: 42/201.514	: Liên-Đoàn QL/YTQC	: 1	: 79,13	: 23/50	: 40.59
24	: -VŨ-VĂN-THANH	: Thiếu-Tá	: 49/103.021	: Phân-Xuất/Gia-Định	: 3	: 73,93	: 24/50	: 41.05
25	: -TRẦN-CHÍ-THANH	: -nt-	: 39/100.592	: BTL/Vùng 4, CT	: 4	: 73,64	: 25/50	: 34.02
26	: -CÁC-QUỐC-THO	: -nt-	: 44/101.918	: Khu Quân-Sân/S.Gòn	: 3	: 73,55	: 26/50	: 42.13
27	: -HUỠNH-VĂN-LUẬN	: -nt-	: 44/101.953	: Khối CTCT/THD	: 3	: 73,53	: 27/50	: 40.02
28	: -NGUYỄN-VĂN-ANH	: -nt-	: 40/201.596	: LĐ. 33/YTQC	: 3	: 73,50	: 28/50	: 46.66
29	: -HỒ-DUY-THANH	: -nt-	: 42/200.561	: Cục Quân-Y	: 3	: 73,44	: 29/50	: 45.45
30	: -PHI-LINH-HOÀNG	: -nt-	: 34/000.313	: Bộ TTH/TCTV	: 3	: 73,43	: 30/50	: 40.02
31	: -LÊ-THÀNH-VIÊN	: -nt-	: 42/102.026	: Trung-Tâm Tiếp-Huyết	: 3	: 73,31	: 31/50	: 34.49
32	: -TRẦN-NGUYỄN-BẢO	: -nt-	: 41/101.272	: Bộ TH/TCTV	: 3	: 73,15	: 32/50	: 40.02
33	: -TRẦN-VĂN-HAI	: -nt-	: 45/101.302	: Trung-Tâm Hiến-Dịch	: 3	: 73,06	: 33/50	: 42.11
34	: -TRẦN-HIỆN-THAT	: -nt-	: 52/122.594	: BTL/Điệt-Khu Thủ-Đô	: 3	: 73,00	: 34/50	: 44.23
35	: -NGUYỄN-VĂN-THAI	: Đại - Úy	: 56/400.025	: TD.62/Pháo-Binh	: 1	: 77,75	: 35/50	: 47.12
36	: -NGUYỄN-NGOC-DON	: Thiếu-Tá	: 50/110.165	: Cán-Cứ 30/TTHL	: 3	: 77,53	: 36/50	: 43.77
37	: -LÊ-KUÂN-ĐINH	: -nt-	: 54/300.002	: Trung-Tâm Trợ-huấn-Cu	: 3	: 77,50	: 37/50	: 32.01
38	: -TỔNG-HỒ-HIỆN	: Trung-Tá	: 47/300.010	: SB/Hàng-Dù	: 3	: 77,13	: 38/50	: 47.5
39	: -NGUYỄN-DUY-THAT	: Thiếu-Tá	: 30/100.352	: Cán-Cứ 50/TT Đạp-dược	: 3	: 77,02	: 39/50	: 47.
40	: -HUỠNH-ĐẠI-KHAI	: -nt-	: 41/100.960	: TK/Châu-Bắc	: 4	: 76,78	: 40/50	: 35.
1	: -TRẦN-ĐẮC-TRUY	: -nt-	: 53/131.020	: SLL/TH	: 3	: 76,77	: 41/50	: 35.
	: -NGUYỄN-ĐINH-RU	: -nt-	: 49/300.520	: Cục Hiến-Dịch	: 3	: 76,70	: 42/50	: 35.23
	: -TRẦN-HIỆN-VU	: Đại - Úy	: 52/122.500	: Ủy-Ban TT/Trưởng TV	: 3	: 76,76	: 43/50	: 34.5
	: -VŨ-CÔNG-TÚ	: Thiếu-Tá	: 52/120.030	: LĐ.4/Ky-Minh	: 4	: 76,33	: 44/50	: 62.00

45	: NGUYỄN-THÁI-BÌNH	: Thiếu-Tá	: 51/121.066	: Bộ TTH/TCTV	: 3	: 75,76	: 45/50	: 40.02
46	: PHAM-NGOC-KHANH	: -rt-	: 5/205.610	: SLH/TTM	: 3	: 75,20	: 46/50	: 35.52
47	: NGUYỄN-TRUNG-TRÍ	: -nt-	: 55/202.050	: TTH/TOCH	: 3	: 74,60	: 47/50	: 40.02
48	: TRẦN-MINH-HOÀNG	: -nt-	: 5/218.773	: Trường Quân-Qu	: 3	: 74,53	: 48/50	: 41.52
49	: PHAM-VĂN-HIỆN	: -nt-	: 55/300.005	: TCH/Quân-Vận/V.3	: 3	: 73,90	: 49/50	: 34.59
50	: NGUYỄN-THỊCH-THUẬN	: -nt-	: 51/302.201	: Trường Tiếp-Vận	: 3	: 73,00	: 50/50	: 34.56

NỘI DUNG :

KHOA B. V. , ngày

02 - 6 - 1990

- Bộ TTH/Tổng-Quê Tiếp-Vận/V.3 (5 bản)
- Bộ TTH/Tổng-Quê Quân-Quân (2 bản)
- Bộ TTH/P.1 + TTH
- Trung-Tâm An-Nhà Tiếp-Vận
- V.1 CT + V.2 CT + V.3 CT + V.4 CT
- TCH. 1 - 2 - 3 - 4 - 5/Quân-Vận
- và các đơn-vị gốc

sd

ĐẠI-TÁ PHAM-VĂN-THƯỜNG
Chỉ-Huy-Trưởng Trường Tiếp-Vận OLISION



[Handwritten signature]

NAM-THÂN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

NHBBON

ĐÓ-THÀNH SAIGON

HỘ-TỊCH

Tòa Hành-Chính Quận NHII

Số hiệu - 3.947-B

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm Mot ngan chín tram nam mươi tám (1958)

thị trấn Nguyễn-Trần - Saigon

Tên, họ đứa con	Huỳnh thị Kim Nhung
Phái	nu
Ngày sinh	ngay sau tháng sáu, nam mot ngan chín tram nam mươi tám, 22 giờ 50'
Nơi sinh	Saigon, 153/6, đường Hong thập Tu
Tên, họ người cha	Huỳnh van Luân
Tuổi	ba mươi bốn tuổi
Nghề-nghiep	Trung úy
Nơi cư ngụ	Cholon, 1075-Bis, đại lộ Trần-T
Tên, họ người mẹ	Nguyễn thị Hoa
Tuổi	hai mươi tám tuổi
Nghề-nghiep	Nội trợ
Nơi cư ngụ	Cholon, 1075-Bis, đại lộ Trần hưng
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

Lập tại Saigon, ngày 10 tháng 6 năm 1958

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH:

Saigon, ngày 26 tháng 5 năm 1962

Quận-Trưởng, Quận Nhì

5X5

OFFICERS

OFFICERS
DU

EXTRAIT de l'arrêté N° 261 - CAB/DN
du 22 AVRIL 1953 portant
nomination au grade de Sous-Lieutenant
de Réserve pour compter du 1^{er} Avril 1953.

Les élèves Officiers de Réserve, dont les noms suivent ayant
subi l'examen de sortie de l'École d'Elèves Officiers de Réserve
de Thuat sont promus au Grade de Sous-Lieutenant de réserve
pour compter du 1^{er} Avril 1953.

Arme INFANTERIE

ROYET VAN LUAN

SAIGON, le 22 AVRIL 1953

Signé. ROYET VAN TAM

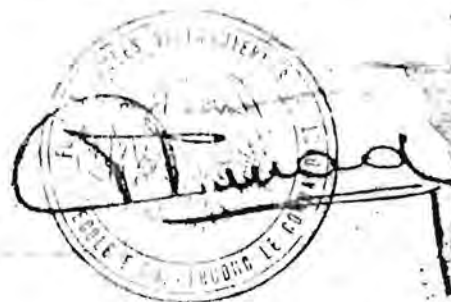
Extrait certifié conforme :

Le Chef de Batallion BOUILLET
Commandant l'École d'E.O.R.

P.O. le Capitaine FERRANDI, Chef
des Services Administratifs

Destinataires :

- L'intéressé
- Dossier de l'intéressé.



Ce certificat d'identité est reconnu par le Gouvernement de
This Certificate of Identity is recognised by the Government of

comme document légal permettant à son titulaire de se rendre en
Malaysia et de retourner dans son pays;

as a legally valid document to permit the bearer to travel to
Malaysia and return to his country.

Fait à

Issued at.....

Le

Issued on.....1965

Gouvernement qui a validé ce certificat

Government Authority

.....

[Signature]

Le Certificat d'identité qui aura reçu sur cette page les inscriptions
valables sera considéré en Malaysia comme un certificat
tenant lieu de passeport.

Certificate of Identity which has valid certification on this page
will constitute in Malaysia a certificate to be accepted in lieu
of passport.

III JEUX DU SEAP A KUALA LUMPUR, MALAYSIA
THE THIRD SOUTH EAST ASIA PENINSULAR GAMES
KUALA LUMPUR, MALAYSIA



SEAP

1965

CERTIFICAT D'IDENTITE
CERTIFICATE OF IDENTITY

Nº 2314

Valable du 1er Décembre 1965 au 31 Décembre 1965

Valid from 1st December to 31st December 1965

A conserver constamment sur soi pendant le séjour en Malaysia /
la durée des Jeux

This certificate to be carried on person at all times during
stay in Malaysia / duration of the Games.

homme/Male
femme/Female

Nom
SURNAME LUAN

PRENOMS
FIRST NAMES HUYNH-VAN

PAYS
COUNTRY VIET NAM

NATIONALITE
NATIONALITY VIETNAMIENNE

DATE DE NAISSANCE
DATE OF BIRTH 05.02.1924

LIEU DE NAISSANCE
PLACE OF BIRTH Gia-Dinh

ADRESSE
ADDRESS 284, Thành-Thái Saigón

PROFESSION
PROFESSION OFFICIER A.R.VN.

Signature du titulaire
Signature of Bearer

Qualité
Status

OFFICIEL

Le Comité Organisateur des IIIe Jeux du SEAP

The Organizing Committee for the III SEAP GAMES

Président/Chairman

Secrétaire/Secretary

Le Comité National Olympique de
The National Olympic Committee of

VIET-NAM

certifie que les renseignements indiqués sur ce certificat d'identité
sont exacts et que la photographie est bien celle du titulaire qui
se rend à Kuala Lumpur pour participer aux IIIe Jeux du SEAP
à Kuala Lumpur selon la qualité indiquée ci-contre.

Certifies that the information contained herein is correct and
that the photograph is a true likeness of the bearer of this
Certificate of Identity who is travelling to Kuala Lumpur to
attend the III SEAP GAMES in the capacity stated herein.

Président/President

Secrétaire Général/Secretary General



NAM

QUỐC-GIA VIỆT-NAM

ĐÔ-THÀNH

THÀNH-PHỐ

QUẬN

BẢN-SỐ 3609

HỘ-TỊCH VIỆT-NAM

TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH

NAM một ngàn chín trăm năm mươi ba (1953)

Tên, họ đứa con nít. Nom et prénoms de l'enfant	HUYỀN thị Kim-Lan
Nam hay nữ. Son sexe	nữ
Sanh ngày nào. Date de sa naissance	ngày ba mươi một tháng tám năm một ngàn chín trăm năm mươi ba, 7 giờ 10
Sanh tại chỗ nào. Lieu de sa naissance	Saigon, 153/57, đường Chasseloup Lautet
Tên, họ người cha. Nom et prénoms de son père	HUYỀN văn Luận
Làm nghề nghiệp gì. Sa profession	Thiếu úy trừ bị
Nhà cửa ở đâu. Son domicile	Saigon, 130, đường Arras
Tên, họ người mẹ. Nom et prénoms de sa mère	NGUYỄN thị Hoa
Làm nghề nghiệp gì. Sa profession	nội trợ
Nhà cửa ở đâu. Son domicile	Saigon, 130, đường Arras
Vợ chánh hay vợ thứ. Son rang de femme mariée	vợ chánh

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÁNH

Saigon, ngày 12 tháng 9 năm 1953

T.Ư.N. ĐÔ-TRƯỞNG, SAIGON-CHOLON,

Nghị-trưởng Hội-Đồng Quận VIII

HỒ-ƯỚC-CỦ
Nghị-Viên Quận-VIII

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu HT3/P3

Xã, Thị trấn, _____

Thị xã, Quận NhiTỉnh, Thành phố, Tỉnh Sài Gòn

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 1239 A

Quyển số _____

Họ và tên	<u>HUYỀN CÔNG LINH</u>		Nam, nữ <u>NAM</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>15/07/1963</u>		
Nơi sinh	<u>Sài Gòn, 153/6 Hong Thap Tu</u>		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>HUYỀN VINH LINH</u> <u>55T</u>	<u>NGUYỄN THỊ HOA</u> <u>55T</u>	
Dân tộc	<u>11</u>	<u>11</u>	
Quốc tịch	<u>11</u>	<u>11</u>	
Nghề nghiệp	<u>Nội. Vụ</u>	<u>Nội. Vụ</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>Sài Gòn, 153/6</u>	<u>Thành Thái</u>	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Đoàn Đại Ni 55T</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BAN CHINH

Ngày 13 tháng 13 năm 1963

TM/UBND

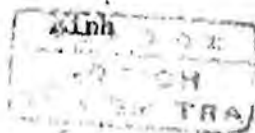
Ký tên đóng dấu

ỦY VIÊN THỰC VY

VÕ HỮU THANH

Ngày 13 tháng 13 năm 1963

Đóng dấu rõ chức vụ



HỘ - TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ HÔN-THỦ BỰC NHƯT

NĂM một ngàn chín trăm năm mươi (1950)

Nhà In Ich Ng.v Việt, Saigon 94-60 D.T.

Hôn thu bực nhut của

HUYNH VAN LUAN

và

NGUYEN THI HOA

Tên, họ người chồng <i>Nom et prénoms de l'époux</i>	Huynh van Luan ✓
Làm nghề-nghiệp gì <i>Sa profession</i>	tho ky hàng buôn
Sanh ngày nào <i>Date de sa naissance</i>	ngày nam tháng hai, nam một ngàn chín trăm hai mươi bốn
Sanh tại đâu <i>Lieu de sa naissance</i>	An Nhon Xa, tỉnh Giadinh (Nam Viet)
Nhà cửa ở đâu <i>Son domicile</i>	Saigon, 130 duong Arras
Tên, họ cha chồng <i>Nom et prénoms du père de l'époux</i>	Huynh van Thanh
Tên, họ mẹ chồng <i>Nom et prénoms de la mère de l'épouse</i>	Chau thi Chanh
Tên, họ người vợ <i>Nom et prénoms de l'épouse</i>	Nguyen thi Hoa /
Làm nghề-nghiệp gì <i>Sa profession</i>	buôn bán
Sanh ngày nào <i>Date de sa naissance</i>	ngày hai tháng hai, nam một ngàn chín trăm ba mươi.
Sanh tại đâu <i>Lieu de sa naissance</i>	Binh Thanh Tay tỉnh Long Xuyen (Nam Viet)
Nhà cửa ở đâu <i>Son domicile</i>	Saigon, 130 duong Arras
Tên, họ cha vợ <i>Nom et prénoms du père de l'épouse</i>	Nguyen Ngoc Dau (chet)
Tên, họ mẹ vợ <i>Nom et prénoms de la mère de l'épouse</i>	Duong thi Hue

Lập tại Saigon ngày 22 tháng 12 năm 1950

TRÍCH-LỤC Y BỔN CHÍNH: 1950

SAIGON, ngày 2 tháng 3 năm 1951

T. U. N. B. O. - TRƯỞNG SAIGON.

PHÓC S. U. P. H. O. - T. I. C. H.

CHỦ S. U. P. H. O. - T. I. C. H.,

L. U. C. I.

KHUẾ-THI-VINH

APPLICATION FOR CLASSIFICATION AS REFUGEE
TO THE DIRECTOR, THE ORDERLY DEPARTURE PROGRAM OFFICE
127 PHANJAEPUM, SOUTH SATHORN ROAD, BANGKOK 10120
THAILAND

Subject : Request for Immigration to the United States of America
under the Orderly Departure Program.

Dear sir,

1. I, the undersigned: HUYNH VAN LUAN 2. Residential number: III
3. Date and Country of Birth : 5/2/1924 Go Vap GIA DINH
4. Nationality : VIET NAM 5. Religion : BUDDHA
6. Sex : Male: MALE Female: Female 7. Family Status MARRIED, 4 CHILDREN
8. Home Address : 5, CAO BANHA St, PHU, QI, HO CHI MINH CITY
9. Military Education : HIGH MILITARY LOGESTIC SUPPLY
10. Job title/grade : LIEUTENANT COLONEL / DEPUTY CHIEF OF SUPPLY AND MAINTENANCE OFFICE
11. Armed forces Branch of service : PSYCH-VAR AND ARMY LOGESTIC
12. Unit : THIRD LOGESTIC COMMAND (BIEN HOA)
13. Place worked : CAMP LONG BINH
14. Civilian Education : HIGH SCHOOL
15. Civilian Occupation : BUSINESS
16. Travel/Education outside Vietnam: SEE BEHINDE →
17. US closest relative :
18. US Acquaintance :
19. After April 30, 1975 spent in Reeducation : years months
20. Reference :

Due to the difficulty of situation, and based on the -
authority of your Organization and the spirit of the Humanitarian
act, I wish to request your assistance and your Intervention with
the government of the Socialist Republic of Vietnam, in order that
I and all my family's members may be authorized to leave Vietnam -
under your arrangement and protection through the ODP and the -
Immigrate to the United States of America for the purpose of seeking
a new life.

Following is our full list

Full name	Sex	Year of Birth	Married	Relationship to me	Address
1. NGUYEN THI HOA	X/F	1930	yes/X	WIFE	5
2. HUYNH THI KIM LAN	X/F	1953	yes/No	DAUGHTER	CAO BANHA St
3. HUYNH THI KIM NHUNG	X/F	1958	yes/No	DAUGHTER	PHU, QI,
4. (HUYNH MINH NGOC)	F/F		yes/No		HO CHI MINH
5.	F/F		yes/No	SON	CITY
6. HUYNH CONG LAN	F/X	1963	yes/No		
7.	F/F		yes/No		

We would be deeply grateful to you for hearing from -
you soon.

Respectfully and Thankfully your

16. TRAVEL / EDUCATION OUTSIDE VIETNAM :

CHIEF OF VIETNAMESE TEAM PARTICIPATE OF THIRD SEAP GAMES
IN KUALA LUMPUR 1965.

17. US CLOSET RELATIVE :

COUSIN : - NGUYEN TRUNG THIEU

BELVEDERE SC 29841 USA

- NGUYEN TRUNG THUAT -

AUSTIN TX 78758 USA

- QUYNH CHAU -

MONTEREY CA 93940 USA

18. US ACQUAINTANCE :

- MR. MANAPOLIS (F.B.I)

- MR. KIMBALL

- MR. RYAN (DEAD)

- MR. WALTON

- MR. BRULER

- MR. LAYSON . . .

(MY ADVISORS OF PUBLIC SAFETY DIVISION OF US AID SAIGON)

APPLICANT FOR EX-POLITICAL
PRISONER IN VIETNAM

I. BASIC INFORMATION ON APPLICANT IN VIETNAM

1. Full name : HUYNH VAN LUAN
2. Date and place of birth : 5/2/1924 GO VAP GIA DINH
3. Position : DEPUTY CHIEF OF SUPPLY AND MAINTENANCE OFFICE
- Rank : LIEUTENANT COLONEL
- Serial number : 44/101.953
- Military Unit : THIRD LOGISTICS COMMAND (CAMP LONG BINH)
4. Months, dates, years of Arrest : 15/6/1975
5. Months, dates, years out of camps : 6/11/1982
6. Present mailing Address of Ex- P.P : 11A, TON THAT DAM, P18, Q1, HCM CITY
7. Current Address : 5, CAO BANHA ST, P14, Q1, HO CHI MINH CITY

II. LIST OF DOB AND POB OF EX-P.P IMMEDIATELY FAMILY AND FATHER, MOTHER.

A. RELATIVES TO ACCOMPANY WITH EX- P.P TO BE CONSISTED FOR U.S. COUNTRY.

NAME	DOB	POB	SEX	MARRIED SINGLE	RELATIONSHIP
NGUYEN THI HOA	1930	LONG XUYEN	FEMALE	MARRIED	WIFE
HUYNH THI KIM LAN	31/8/1953	SAIGON	FEMALE	SINGLE	DAUGHTER
HUYNH THI KIM NHUNG (HUYNH MINH NGOC)	6/6/1958	SAIGON	FEMALE	SINGLE	DAUGHTER
HUYNH CONG LAN	7/12/1963	SAIGON	MALE	SINGLE	SON

F. COMPLETED FAMILY LISTING (LIVING, DEAD) OF EX P.P.

- Father : HUYNH CONG THANH (DEAD)
- Mother : CHAU THI CHANH (DEAD)
- Wife : NGUYEN THI HOA (LIVING)
- Children :
 1. HUYNH THI KIM LAN (LIVING)
 - 2.
 3. HUYNH THI KIM NHUNG (LIVING)
 4. (HUYNH MINH NGOC)
 - 5.
 6. HUYNH CONG LAN (LIVING)
 - 7.
 - 8.
 - 9.
 - 10.
- Siblings : HUYNH CONG TOAI (LIVING)

III. RELATIVES OUTSIDE OF VIETNAM :

A. CLOSEST RELATIVES IN US :

- NGUYEN TRUNG THIEU

BELVEDERE SC 29841 USA

- NGUYEN TRUNG THUAT

AUSTIN 78758 USA.

- QUYNH CHAU E..

MONTEREY CA 93940 USA.

B. CLOSEST RELATIVES IN OTHER COUNTRY : SON IN CANADA :

- HUYNH CONG LONG

QUEBEC, J4X 1V2 CANADA

IV. HAVE YOU SUBMITTED THE APPLICATION FOR FAMILY REUNIFICATION UNTIL NOW?

- Have you I HAVE yes YES ~~NO~~

- Reply from Bangkok ODP (LOT) ~~YES~~ : No: NO

V. COMMENT REMARK : DUE TO THE DIFFICULTY OF MY SPECIAL SITUATION, I WISH TO IMMIGRATE TO THE UNITED STATES OF AMERICA FOR THE PURPOSE OF SEEKING A NEW LIFE.

VI. LISTING OF DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE :

- Marriage certificate
- Birth certificate of all family
- Photo
- Photocopy of Released certificate

V. REMARK :

Date : SAIGON, 25/9/1988

- MY SON IS : HUYNH CONG LONG

LIVING IN CANADA SINCE 1970.

HE'S MARRIED WITH TWO CHILDREN

AND HAS THE DIFFICULTY OF FINANCE SITUATION, SO HE REFUSES TO

SUPPORT AND SPONSOR MY FAMILY WITH HIM IN CANADA.

SIGNATURE

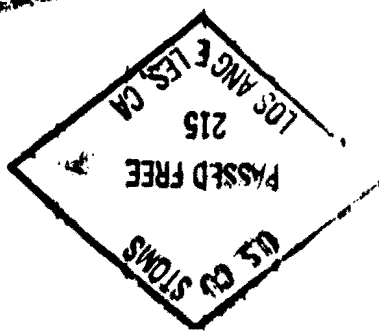
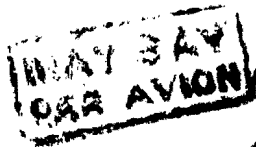
Luan
HUYNH VAN LUAN

From: HUYNH VĂN LUÂN
14A, TÔN THẤT ĐẠM, P. 18, Q.1
T.P. HỒ CHÍ MINH.

VIET NAM



OCT 2 8 1988



To: Mrs. KHUOC THỊ MINH THU
PO BOX 5435 ARLINGTON VA

OCT 2 8 1988

U.S.A



From: HUỖNH VĂN LUẬN
14^A, TÔN THẤT ĐẠM, P.18, Q.1
TP. HCM
VIET NAM

To: Mrs. KHUỖ THỊ MINH THU
PO BOX 5435 ARLINGTON, VA

U.S.A